

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

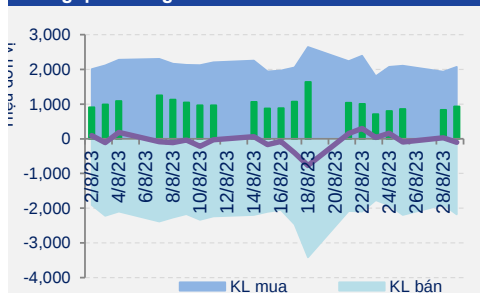
29/8/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

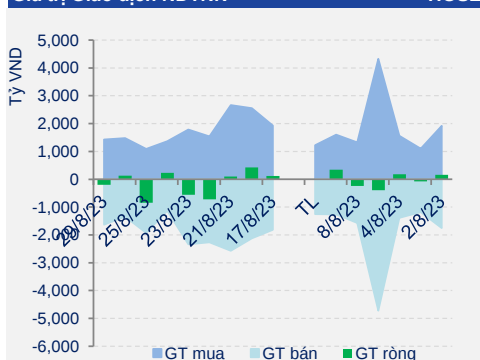
| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,204.43      | 246.48      |
| % Thay đổi          | ↑ 0.23%       | ↑ 0.65%     |
| KLGD (CP)           | 934,659,203   | 118,706,671 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 21,935.11     | 2,309.95    |
| Tổng cung (CP)      | 2,174,092,425 | 172,555,800 |
| Tổng cầu (CP)       | 2,071,746,655 | 155,800,700 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX       |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP)       | 45,255,483 | 1,518,884 |
| KL mua (CP)       | 35,111,055 | 3,401,173 |
| GT mua (tỷ đồng)  | 1,431.99   | 77.15     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 1,630.66   | 33.81     |
| GT ròng (tỷ đồng) | (198.67)   | 43.34     |

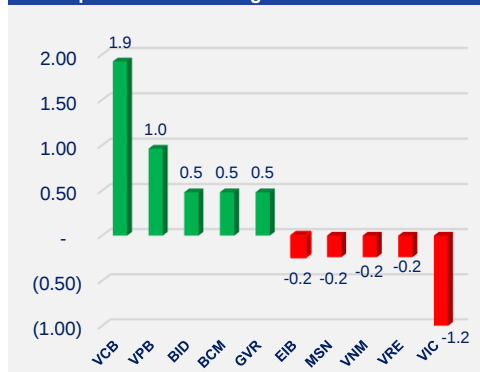
### Tương quan cung cầu



### Giá trị Giao dịch NĐTNN



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên phục hồi tích cực với tâm lý cải thiện VN-INDEX tiếp tục tăng điểm từ đầu phiên lên vùng giá quanh 1.210 điểm sau đó chịu áp lực điều chỉnh kiểm tra lại vùng tâm lý 1.200 điểm với thanh khoản gia tăng tốt trong phiên sáng. Kết phiên VN-INDEX duy trì tích cực khi tăng 2,71 điểm (+0,23%) lên mức 1.204,43 điểm và đang trong vùng giá 1.200 điểm - 1.211 điểm tương ứng giá cao nhất năm 2018. HNX-INDEX tăng 1,60 điểm (+0,65%) lên 246,48 điểm. Độ rộng trên hai sàn nghiêng về tích cực khi có tổng cộng 389 mã tăng giá (14 mã tăng trần), áp lực điều chỉnh tăng so với phiên trước với 284 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 149 mã giữ giá tham chiếu, thể hiện thị trường phân hóa trở lại ở vùng giá 1.200 điểm

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 24.235,45 tỷ đồng được giao dịch, tăng 10,63% so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình, cho thấy nhà đầu tư đang tự tin hơn và dòng tiền đang cải thiện trở lại khi VN-INDEX lại vượt lên vùng giá tâm lý 1.200 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên HOSE với giá trị 198,67 tỷ đồng, trong đó bán ròng tập trung nhiều ở nhóm ngân hàng, dịch vụ tài chính, chứng khoán; mua ròng trên HNX với giá trị 43,34 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2023 tăng 0,88% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng 08/2023 tăng 2,02% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,96%. Bình quân 8 tháng năm 2023, CPI tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,57%. Cán cân thương mại hàng hóa tháng 08 ước tính xuất siêu 3,82 tỷ USD. Tính chung 8 tháng năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 20,19 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 5,26 tỷ USD). Ngoài các thông tin liên quan tới chuyến thăm của Thủ tướng Singapore đang diễn ra, Tổng thống Mỹ Joe Biden dự kiến cũng sẽ có chuyến thăm chính thức Việt Nam đầu tiên kể từ khi nhậm chức từ ngày 10-11/09/2023.

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán tiếp tục có diễn biến tích cực, nổi bật trên thị trường khi thanh khoản cải thiện, nhiều mã tiếp tục vượt vùng giá đỉnh cũ tương ứng khi VN-INDEX 1.245 điểm với thanh khoản cải thiện tốt như VDS (+3,64%), VCI (+2,95%), SHS (+2,31%), BVS (+1,47%)... và nhiều mã hướng đến vùng đỉnh cũ tương ứng.

Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp, cao su cũng có diễn biến tích cực từ đầu phiên giao dịch, thanh khoản cải thiện tốt với KBC (+2,79%), BCM (+2,74%), IDC (+2,61%), GVR (+2,23%)... Trong khi đó các cổ phiếu bất động sản phân hóa hơn đa số vẫn tăng giá mạnh, một số mã vượt vùng giá đỉnh cũ với PDR (+6,67%), HHS (+4,11%), QCG (+3,57%), TCH (+3,46%), HDC (+2,62%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như CEO (-2,29%), TDH (-2,01%), DXG (-0,68%)...

Các cổ phiếu dầu khí sau giai đoạn điều chỉnh cũng có diễn biến tăng giá tốt trở lại, nổi bật như PVS (+4,18%) kỳ vọng kiểm tra lại đỉnh cũ, PVB (+4,10%), PVC (+2,23%), PVT (+2,30%)... Trong khi các cổ phiếu ngân hàng phân hóa, đa số biến động nhẹ với thanh khoản dưới mức trung bình.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 tăng 0,8 điểm (+0,07%), chênh lệch gia tăng âm -3,67 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm nhẹ, cho thấy hoạt động đầu cơ trong phiên giảm khi có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2310, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch gia tăng lên từ -4,97 điểm đến -11,57 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn nới rộng. Cho thấy các trader vẫn nghiêng về khả năng điều chỉnh trở lại, tuy nhiên không quá bi quan mức độ điều chỉnh của VN30 trong ngắn hạn. Gia tăng các vị thế mua ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro các kỳ hạn lớn ở thị trường phái sinh.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường tiếp tục tăng điểm sau phiên hồi phục mạnh đầu tuần tuy nhiên đà tăng có dấu hiệu chững lại khi áp lực bán tại vùng giá cao tăng lên, chốt phiên VN-INDEX tăng +2,71 điểm (+0,23%) và đóng cửa ở 1.204,43 điểm. Thị trường dự báo sẽ tiếp tục có diễn biến rung lắc tại vùng giá hiện tại trong xu hướng hồi phục ngắn hạn sau điều chỉnh với mục tiêu là vùng kháng cự mạnh quanh 1.250 điểm. Khả năng VN-INDEX sẽ tiếp tục hình thành nhịp tích lũy quanh ngưỡng cản nói trên trước khi có những diễn biến tích cực hơn.

Về góc nhìn trung hạn, chúng tôi đã nhận định uptrend của thị trường chưa bị phá vỡ và đợt điều chỉnh mạnh vừa qua không thủng ngưỡng 1.150 điểm nên thị trường hoàn toàn có thể tích lũy lại và tạo nhịp tăng ngắn hạn trước khi đi vào vùng tích lũy mới. Diễn biến tại vùng tích lũy này sẽ quyết định khả năng chỉ số có thể hướng tới ngưỡng cản xa hơn tại vùng 1.300 điểm hay không.

Về vĩ mô, với những thông tin tích cực về quyết tâm của Chính phủ duy trì tăng trưởng kinh tế năm nay đạt mục tiêu đề ra là thông tin kích thích đối với giới đầu tư, tuy nhiên những khó khăn đối với thị trường BĐS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn cần thêm nhiều thời gian để xử lý. Điểm tích cực là tâm lý giới đầu tư nhìn chung vẫn đang khá lạc quan và có niềm tin về chu kỳ hồi phục kinh tế.

Trong ngắn hạn thị trường đang phát tín hiệu hồi phục ngắn hạn, nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân trong các phiên vừa qua theo như khuyến nghị tiếp tục nắm giữ danh mục với tỷ trọng trung bình. Với nhà đầu tư trung, dài hạn nhà đầu tư có thể gia tăng tỷ trọng giải ngân trong khu vực hiện tại, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là gia tăng giải ngân trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

29/8/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

| Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua<br>dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                       |                       | Điều kiện giải ngân    |
|-----|--------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
|     |                          |                                  |                           |                         | P/E             | T.trưởng<br>Doanh thu | T.trưởng<br>Lợi nhuận |                        |
| CTG | 31.25                    | 30-30.8                          | 35-37                     | 28                      | 8.5             | 0.0%                  | 12.0%                 | Theo dõi chờ giải ngân |
| IDC | 47.20                    | 43-45                            | 55-57                     | 41                      | 11.9            | -27.2%                | -62.6%                | Theo dõi chờ giải ngân |
| CSV | 35.90                    | 31-32.5                          | 42-43                     | 29                      | 6.2             | -36.3%                | -56.2%                | Theo dõi chờ giải ngân |
| PVP | 13.55                    | 11.5-13                          | 15.5-16                   | 12                      | 4.4             | 8.3%                  | 235.8%                | Theo dõi chờ giải ngân |
| DTD | 27.90                    | 25-27                            | 30-31                     | 22                      | 5.7             | -38.6%                | -35.8%                | Theo dõi chờ giải ngân |
| PHR | 49.40                    | 46-48                            | 57-59                     | 43                      | 7.5             | -54.5%                | 136.4%                | Theo dõi chờ giải ngân |
| VIC | 63.40                    | 61-64                            | 79-82                     | 56                      | 45.1            | 252.2%                | -45.0%                | Theo dõi chờ giải ngân |

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị<br>thế | Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Giá mua<br>(1.000đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng<br>lỗ<br>(1.000đ) | Hiệu quả đầu<br>tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|-------------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------|
| 19/5/23           | DPR | 63.0                     | 54.8                | 65-67                     | 62                         | 15.0%                  | Nắm giữ                    |
| 7/6/23            | KBC | 33.2                     | 28.05               | 34-35                     | 31                         | 18.4%                  | Nắm giữ                    |
| 28/7/23           | BIC | 28.0                     | 29.1                | 32-33                     | 28                         | -4.0%                  | Nắm giữ                    |
| 2/8/23            | VNM | 77.4                     | 72.95               | 87-89                     | 75                         | 6.1%                   | Nắm giữ                    |
| 2/8/23            | CTG | 31.3                     | 30.6                | 35-37                     | 31                         | 2.1%                   | Nắm giữ                    |
| 28/8/23           | DTD | 27.9                     | 26.8                | 30-31                     | 25                         | 4.1%                   | Nắm giữ                    |
| 28/8/23           | VIC | 63.4                     | 63.1                | 79-82                     | 56                         | 0.5%                   | Nắm giữ                    |

**TIN VĨ MÔ****Sản xuất công nghiệp tiếp tục chuyển biến tích cực**

Sản xuất công nghiệp tháng 8/2023 tiếp tục xu hướng tích cực hơn. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo vốn được coi là động lực tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp và nền kinh tế cũng đang dần lấy lại được đà tăng trưởng... Theo số liệu được Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/8, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 8/2023 ước tính tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 3,5%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,7%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,8%; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2%.

**CPI tháng 8 tăng theo giá xăng dầu, gạo**

Theo số liệu báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội do Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/8, giá xăng dầu, giá gạo trong nước tăng theo giá thế giới, giá nhà ở thuê tăng theo nhu cầu là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2023 tăng 0,88% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng 8 tăng 2,02% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,96%. Bình quân 8 tháng năm 2023, CPI tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,57%.

**Xuất khẩu khởi sắc, thặng dư thương mại đạt trên 20 tỷ USD**

Xuất khẩu hàng hóa tháng 8 tăng 7,7% so với tháng trước. Nếu so sánh với các tháng 5 (tăng 4,3%); tháng 6 (tăng 4,5%); tháng 7 (tăng 0,8%) thì mức tăng của tháng 8 là rất khả quan. Điều này cho thấy các giải pháp xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường của doanh nghiệp đã mang lại kết quả tích cực... Số liệu được Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/8 cho thấy trong tháng 8/2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 60,92 tỷ USD, tăng 6,7% so với tháng trước và giảm 7,9% so với cùng kỳ năm trước.

**Tổng thống Joe Biden sẽ thăm Việt Nam vào ngày 10 - 11/9**

Ngày 29/8, Người Phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Phạm Thu Hằng thông báo, Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden sẽ thăm Việt Nam từ ngày 10 đến 11/9 theo lời mời của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Năm 2023 là một dấu mốc quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, kỷ niệm 10 năm ngày hai nước thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện (2013 - 2023). Hiện Hoa Kỳ là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, là thị trường xuất khẩu đầu tiên của Việt Nam vượt mốc 100 tỷ USD.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**Vinasun (VNS) trả cổ tức đợt cuối năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 5%**

CTCP Ánh Dương Việt Nam - Vinasun (mã chứng khoán VNS - sàn HOSE) mới thông báo ngày 14/9 sẽ là ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức đợt cuối năm 2023. Theo đó, Vinasun sẽ trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 5% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 500 đồng). Thời gian thanh toán vào ngày 27/09. Như vậy, với hơn 67,8 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính VNS sẽ chi khoảng 33,9 tỷ đồng để trả cổ tức đợt này cho cổ đông. Trước đó, Vinasun vừa thực hiện trả cổ tức đợt 1/2023 cho cổ đông với tỷ lệ 40%.

**Cao su Đồng Phú (DPR) chi 130 tỷ đồng trả cổ tức năm 2022, tỷ lệ 30%**

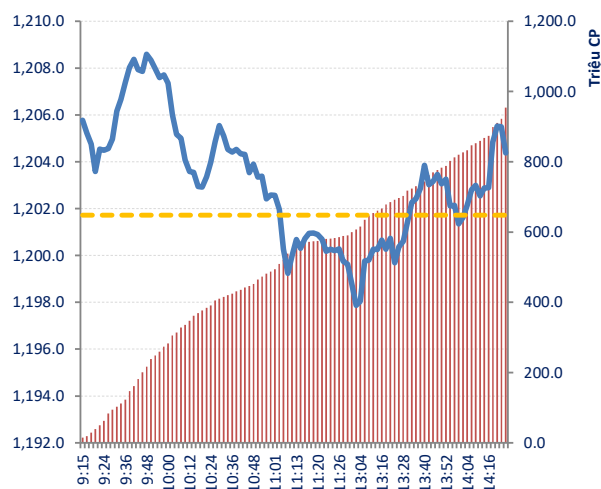
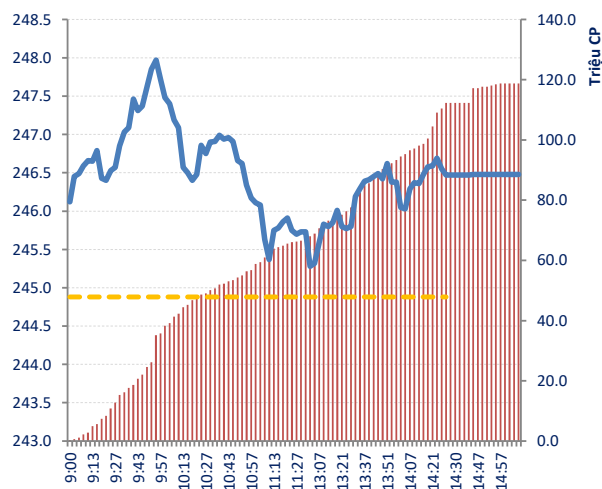
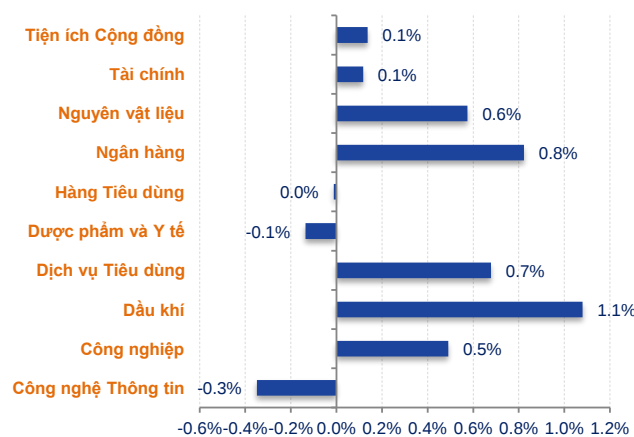
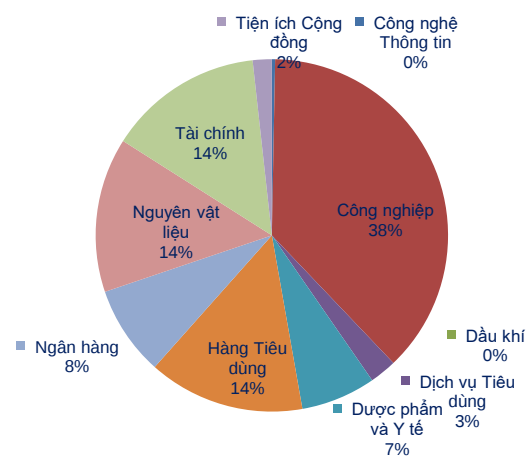
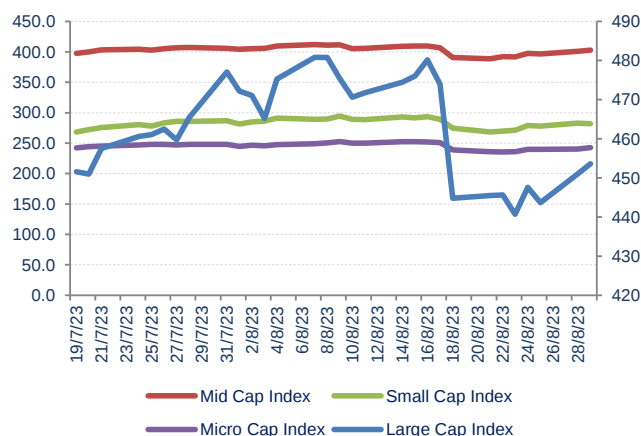
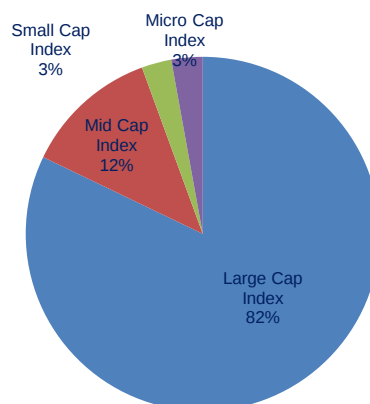
CTCP Cao su Đồng Phú (mã chứng khoán DPR - sàn HOSE) mới thông báo về kế hoạch trả cổ tức năm 2022. Theo đó, doanh nghiệp sẽ trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 30% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 3.000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng là 12/09. Thời gian thanh toán vào ngày 20/11. Như vậy, với 43,44 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Cao su Đồng Phú sẽ chi khoảng 130 tỷ đồng trả cổ tức đợt này cho cổ đông.

**ACV ký hợp đồng thi công gói thầu số 12 nhà ga T3 Tân Sơn Nhất với Liên danh nhà thầu**

Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP (UPCoM: ACV) cho biết đã ký hợp đồng thi công gói thầu số 12 "Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất" với liên danh gồm 6 tổng công ty và công ty. Liên danh trúng thầu gồm 6 tổng công ty và công ty là: Tổng công ty CP Xây dựng Hà Nội, Tổng công ty Xây dựng số 1, Tổng công ty 319 (Bộ Quốc phòng), Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn, CTCP Đầu tư xây dựng Ricons và Công ty TNHH Xây dựng Lưu Nguyễn.

**Nhiệt điện Bà Rịa sẽ chi gần 73 tỷ đồng trả cổ tức 2022**

CTCP Nhiệt điện Bà Rịa (HOSE: BTP) thông báo chốt quyền chi cổ tức 2022 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 14/09/2023. Với tỷ lệ thực hiện 12% (cổ đông sở hữu 1 cp nhận được 1,200 đồng) cùng gần 60.5 triệu cp đang lưu hành, ước tính BTP sẽ chi khoảng 73 tỷ đồng để hoàn tất đợt chi trả này. Ngày thanh toán dự kiến vào 16/10/2023.

**KLGD và VN-Index trong phiên**

**KLGD và HNX-Index trong phiên**

**Biến động giá phân theo nhóm Ngành**

**Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành**

**Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa**

**Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa**

**Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:**

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng | TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | HPG   | 2,501,165   | POW   | 2,569,300   | 1  | SHS   | 1,997,021   | DTD   | 275,100     |
| 2  | VND   | 1,487,504   | SSI   | 2,263,407   | 2  | IDC   | 490,500     | MBS   | 231,100     |
| 3  | KBC   | 1,403,968   | STB   | 1,847,807   | 3  | TIG   | 142,300     | THD   | 176,000     |
| 4  | KDC   | 1,211,229   | DPM   | 1,616,660   | 4  | BVS   | 114,800     | TNG   | 121,251     |
| 5  | PDR   | 1,083,200   | DCM   | 1,389,800   | 5  | CEO   | 42,300      | NVB   | 100,000     |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       | Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 12.10      | 12.25    | ↑ 1.24%  | 43,012,354 | SHS | 17.30      | 17.70    | ↑ 2.31%  | 25,068,419 |
| NVL | 20.00      | 20.35    | ↑ 1.75%  | 40,372,000 | CEO | 26.20      | 25.60    | ↓ -2.29% | 12,754,759 |
| VND | 22.20      | 22.40    | ↑ 0.90%  | 40,291,500 | HUT | 26.80      | 25.80    | ↓ -3.73% | 11,662,203 |
| VIX | 18.75      | 18.75    | → 0.00%  | 38,024,501 | PVS | 33.50      | 34.90    | ↑ 4.18%  | 9,071,877  |
| SSI | 32.45      | 32.35    | ↓ -0.31% | 35,647,501 | SHN | 7.90       | 7.90     | → 0.00%  | 6,000,611  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       | Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|---------|-----|------------|----------|------|----------|
| AGM | 8.87       | 9.49     | 0.62 | ↑ 6.99% | GLT | 20.00      | 22.00    | 2.00 | ↑ 10.00% |
| CIG | 6.92       | 7.40     | 0.48 | ↑ 6.94% | PMC | 69.00      | 75.90    | 6.90 | ↑ 10.00% |
| VAF | 10.10      | 10.80    | 0.70 | ↑ 6.93% | TMX | 11.00      | 12.10    | 1.10 | ↑ 10.00% |
| L10 | 21.25      | 22.70    | 1.45 | ↑ 6.82% | NTH | 54.10      | 59.50    | 5.40 | ↑ 9.98%  |
| DTL | 22.00      | 23.50    | 1.50 | ↑ 6.82% | HAT | 35.40      | 38.90    | 3.50 | ↑ 9.89%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        | Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         |
|-----|------------|----------|-------|----------|-----|------------|----------|-------|-----------|
| TIX | 38.00      | 36.00    | -2.00 | ↓ -5.26% | STC | 20.00      | 18.00    | -2.00 | ↓ -10.00% |
| TDP | 32.95      | 31.50    | -1.45 | ↓ -4.40% | ARM | 25.00      | 22.50    | -2.50 | ↓ -10.00% |
| SGR | 27.90      | 26.80    | -1.10 | ↓ -3.94% | PIA | 28.60      | 25.80    | -2.80 | ↓ -9.79%  |
| ABR | 14.10      | 13.60    | -0.50 | ↓ -3.55% | ATS | 9.40       | 8.50     | -0.90 | ↓ -9.57%  |
| SVT | 13.10      | 12.65    | -0.45 | ↓ -3.44% | UNI | 11.50      | 10.40    | -1.10 | ↓ -9.57%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 43,012,354 | 17.7% | 2,183 | 5.5  | 0.9 |
| NVL | 40,372,000 | -0.2% | (48)  | -    | 0.9 |
| VND | 40,291,500 | 3.9%  | 467   | 47.5 | 1.8 |
| VIX | 38,024,501 | 7.0%  | 839   | 22.4 | 1.5 |
| SSI | 35,647,501 | 7.3%  | 1,093 | 29.7 | 2.2 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE  | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|------|-------|-------|-----|
| SHS | 25,068,419 | 4.3% | 507   | 34.1  | 1.4 |
| CEO | 12,754,759 | 7.9% | 1,026 | 25.5  | 2.1 |
| HUT | 11,662,203 | 1.2% | 136   | 197.6 | 2.4 |
| PVS | 9,071,877  | 7.2% | 1,953 | 17.2  | 1.2 |
| SHN | 6,000,611  | 0.1% | 11    | 734.7 | 0.6 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE    | EPS      | P/E  | P/B |
|-----|--------|--------|----------|------|-----|
| AGM | ↑ 7.0% | -46.1% | (10,046) | -    | 0.5 |
| CIG | ↑ 6.9% | 7.7%   | 403      | 17.2 | 1.3 |
| VAF | ↑ 6.9% | 8.2%   | 1,036    | 9.7  | 0.8 |
| L10 | ↑ 6.8% | 6.8%   | 1,771    | 12.0 | 0.8 |
| DTL | ↑ 6.8% | -29.0% | (4,375)  | -    | 1.7 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| GLT | ↑ 10.0% | 12.3% | 2,194 | 9.1  | 1.2 |
| PMC | ↑ 10.0% | 19.2% | 8,725 | 7.9  | 1.5 |
| TMX | ↑ 10.0% | 5.4%  | 851   | 12.9 | 0.7 |
| NTH | ↑ 10.0% | 36.0% | 5,999 | 9.0  | 3.2 |
| HAT | ↑ 9.9%  | 35.2% | 6,772 | 5.2  | 1.8 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 2,501,165 | -2.0% | (328) | -    | 1.6 |
| VND | 1,487,504 | 3.9%  | 467   | 47.5 | 1.8 |
| KBC | 1,403,968 | 17.8% | 4,373 | 7.4  | 1.2 |
| KDC | 1,211,229 | 5.3%  | 1,487 | 43.4 | 2.1 |
| PDR | 1,083,200 | 8.2%  | 1,118 | 20.1 | 1.8 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| SHS | 1,997,021 | 4.3%  | 507   | 34.1 | 1.4 |
| IDC | 490,500   | 20.7% | 3,969 | 11.6 | 2.4 |
| TIG | 142,300   | 7.5%  | 1,075 | 10.8 | 0.8 |
| BVS | 114,800   | 8.3%  | 2,576 | 10.6 | 0.9 |
| CEO | 42,300    | 7.9%  | 1,026 | 25.5 | 2.1 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| VCB | 486,251 | 23.0% | 5,797  | 15.0 | 3.2 |
| VIC | 246,762 | 4.0%  | 1,405  | 46.0 | 1.8 |
| VHM | 238,184 | 29.1% | 10,332 | 5.3  | 1.4 |
| BID | 229,657 | 19.0% | 4,025  | 11.3 | 2.0 |
| GAS | 197,520 | 20.3% | 6,680  | 15.4 | 2.9 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| PVS | 16,012  | 7.2%  | 1,953 | 17.2 | 1.2 |
| IDC | 15,180  | 20.7% | 3,969 | 11.6 | 2.4 |
| SHS | 14,068  | 4.3%  | 507   | 34.1 | 1.4 |
| THD | 13,860  | 2.9%  | 458   | 78.5 | 2.3 |
| CEO | 13,350  | 7.9%  | 1,026 | 25.5 | 2.1 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------|--------|---------|-------|-----|
| QCG | 4.14 | -0.3%  | (51)    | -     | 0.7 |
| EVG | 3.97 | 1.3%   | 157     | 40.7  | 0.5 |
| VPH | 3.25 | 0.4%   | 39      | 249.9 | 0.9 |
| PTL | 3.23 | -22.1% | (1,116) | -     | 0.9 |
| LDG | 3.17 | -5.5%  | (692)   | -     | 0.4 |

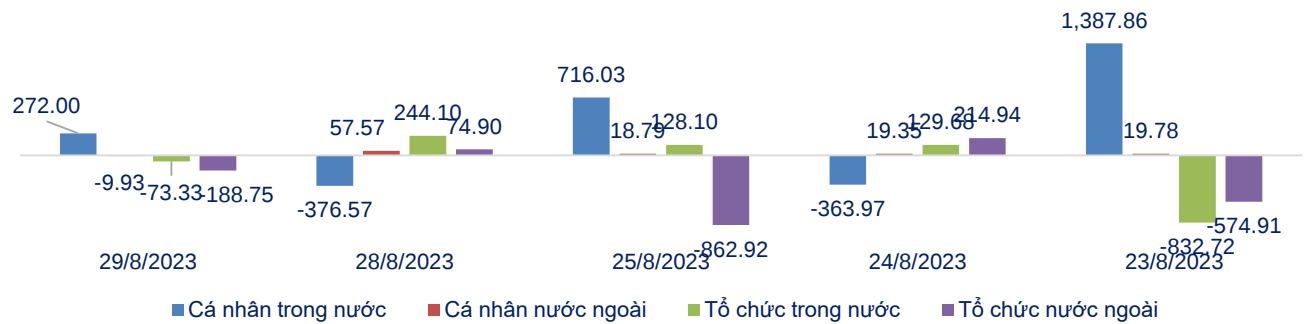
## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------|--------|---------|-------|-----|
| VC7 | 3.60 | 2.4%   | 265     | 102.1 | 2.5 |
| VC2 | 3.46 | 3.8%   | 554     | 24.2  | 0.9 |
| IDJ | 3.34 | 5.9%   | 668     | 10.9  | 0.6 |
| DDG | 3.32 | -24.7% | (3,032) | -     | 0.9 |
| SDA | 3.23 | -0.3%  | (23)    | -     | 1.0 |



## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCG | 249.39  | 3.5%  | 655   | 40.9 | 1.4 |
| SSI | 76.03   | 7.3%  | 1,093 | 29.7 | 2.2 |
| DPM | 60.67   | 19.1% | 6,403 | 5.7  | 1.1 |
| NVL | 58.34   | -0.2% | (48)  | -    | 0.9 |
| FPT | 57.72   | 22.1% | 4,596 | 20.5 | 4.2 |

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| VJC | -163.04 | -12.4% | (3,564) | -    | 3.5 |
| VND | -100.87 | 3.9%   | 467     | 47.5 | 1.8 |
| KDC | -78.78  | 5.3%   | 1,487   | 43.4 | 2.1 |
| TPB | -52.85  | 18.6%  | 2,686   | 7.1  | 1.4 |
| VNM | -50.94  | 23.9%  | 3,937   | 19.8 | 4.4 |

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS    | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|--------|-------|-----|
| DGC | 6.77    | 36.6% | 10,780 | 7.8   | 2.7 |
| PDR | 5.01    | 8.2%  | 1,118  | 20.1  | 1.8 |
| BCM | 4.84    | 2.7%  | 473    | 146.7 | 4.0 |
| GEX | 1.48    | 1.6%  | 385    | 59.7  | 0.9 |
| SIP | 1.24    | 22.7% | 9,026  | 14.7  | 3.3 |

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| DIG | -4.36   | 1.2%  | 152   | 182.0 | 2.1 |
| VIC | -4.34   | 4.0%  | 1,405 | 46.0  | 1.8 |
| STB | -3.79   | 17.2% | 3,601 | 8.8   | 1.4 |
| VND | -3.24   | 3.9%  | 467   | 47.5  | 1.8 |
| HDC | -1.94   | 16.2% | 2,187 | 15.7  | 2.5 |

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|---------|--------|---------|-------|-----|
| VJC | 162.17  | -12.4% | (3,564) | -     | 3.5 |
| BCM | 70.03   | 2.7%   | 473     | 146.7 | 4.0 |
| VND | 67.82   | 3.9%   | 467     | 47.5  | 1.8 |
| TPB | 52.54   | 18.6%  | 2,686   | 7.1   | 1.4 |
| MSN | 32.62   | 3.6%   | 920     | 87.7  | 3.1 |

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCG | -278.29 | 3.5%  | 655   | 40.9 | 1.4 |
| FPT | -56.34  | 22.1% | 4,596 | 20.5 | 4.2 |
| NVL | -53.84  | -0.2% | (48)  | -    | 0.9 |
| HPG | -21.44  | -2.0% | (328) | -    | 1.6 |
| TCB | -20.18  | 15.3% | 5,061 | 6.7  | 1.0 |

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| KDC | 78.84   | 5.3%  | 1,487 | 43.4 | 2.1 |
| HPG | 67.43   | -2.0% | (328) | -    | 1.6 |
| VNM | 51.40   | 23.9% | 3,937 | 19.8 | 4.4 |
| KBC | 47.55   | 17.8% | 4,373 | 7.4  | 1.2 |
| VND | 36.28   | 3.9%  | 467   | 47.5 | 1.8 |

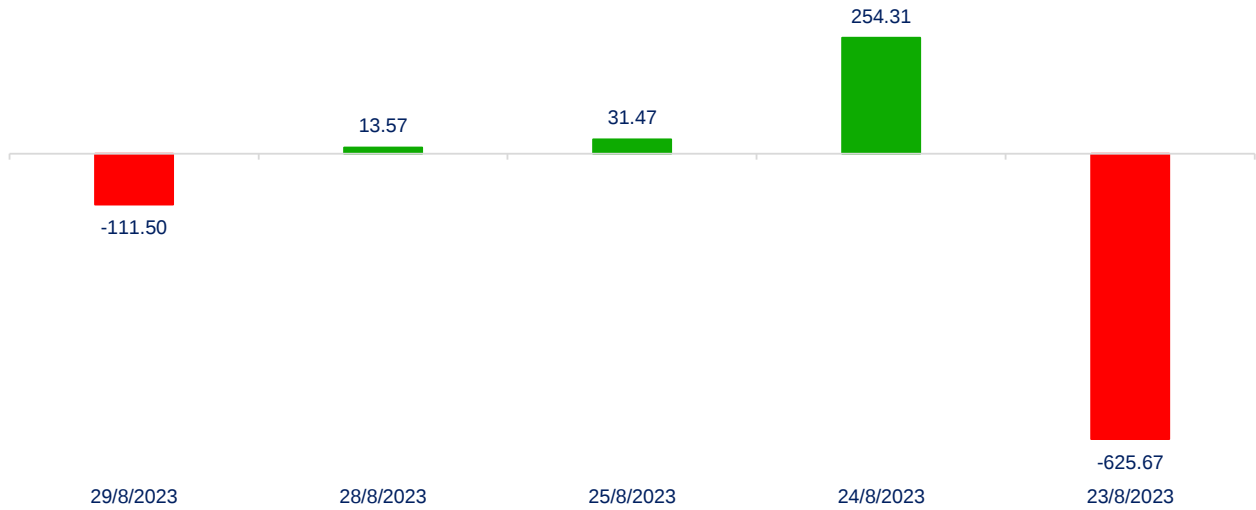
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| SSI | -72.13  | 7.3%  | 1,093 | 29.7  | 2.2 |
| BCM | -65.96  | 2.7%  | 473   | 146.7 | 4.0 |
| DPM | -58.20  | 19.1% | 6,403 | 5.7   | 1.1 |
| MSN | -55.72  | 3.6%  | 920   | 87.7  | 3.1 |
| STB | -54.31  | 17.2% | 3,601 | 8.8   | 1.4 |

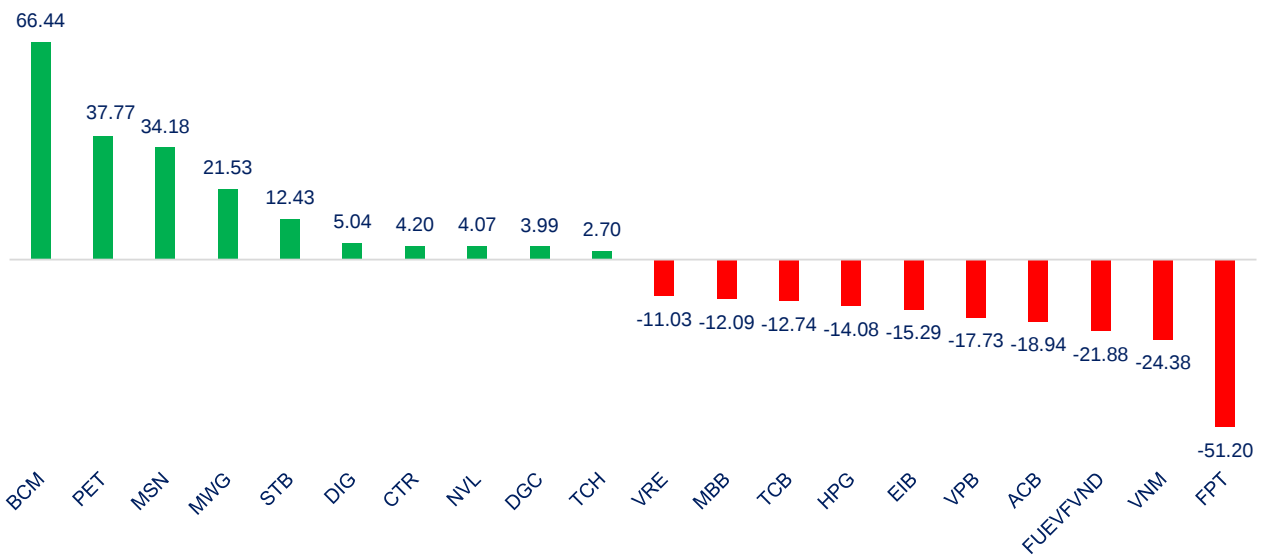


## THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)